

QUAN ĐIỂM MÁC-XÍT VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ ĐẠO ĐỨC

NGUYỄN NGỌC KHÁ*

TÓM TẮT

Mối quan hệ giữa khoa học – công nghệ và đạo đức là một trong những vấn đề được giới lí luận và các nhà hoạt động chính trị quan tâm, nghiên cứu. Triết học mác-xít khẳng định, giữa khoa học – công nghệ và đạo đức có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Trong đó, những thành tựu của khoa học – công nghệ đóng vai trò là cơ sở của các nấc thang giá trị đạo đức; ngược lại, những quan niệm đạo đức có vai trò định hướng cho sự phát triển của khoa học – công nghệ.

Từ khóa: mối quan hệ, khoa học – công nghệ, đạo đức, cơ sở, định hướng.

ABSTRACT

Marxist views on the relation between science-technology and morality

The relation between science-technology and morality is one of issues that attract great concern from theorists and political activists. Marxist philosophy claims that there is mutual interaction relation between science-technology and moral issues. According to that relation, achievements in science-technology are foundations for moral value evaluation; on the contrary, moral perception plays a orienting role for the development of science-technology.

Keywords: relationship, science-technology, moral issues, foundation, guideline.

1. Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ đang diễn ra hết sức mạnh mẽ trên thế giới và tác động sâu sắc đến quá trình phát triển của các nước, nhất là các nước đang và chậm phát triển. Nó trở thành nhân tố quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển của xã hội, đưa nhân loại tiến dần đến một nền văn minh mới – văn minh trí tuệ. Khoa học – công nghệ đã mang lại bao điều kì diệu, niềm tin vào sức mạnh của trí tuệ con người và mở ra trước mắt nhân loại chân trời rộng mở về một tương lai huy hoàng. Tuy nhiên, ngoài sự tác động tích cực của khoa học – công nghệ thì nó lại làm nảy sinh hậu quả tiêu cực

đối với sự phát triển của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực đạo đức.

2. Trong lịch sử tư tưởng triết học tồn tại những ý kiến khác nhau khi bàn về mối quan hệ giữa khoa học – công nghệ và đạo đức. Một số nhà triết học tư sản như B. Rát-xen, Karnai phủ nhận mối quan hệ này và cho rằng khoa học – công nghệ không thể giải quyết được vấn đề mà các giá trị đạo đức đặt ra. Theo họ, đạo đức và khoa học – công nghệ không thể dung hòa với nhau. Hoặc ý kiến khác thì cho rằng, khoa học – công nghệ hiện đại không đủ khả năng dẫn dắt các lí tưởng và hình thành đạo đức, bởi vì đạo đức luôn phụ thuộc vào sự điều khiển và chi phối của cơ cấu chính trị và bản chất của chế độ xã hội. [4, tr.25]

* TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

Phủ định mối quan hệ giữa khoa học – công nghệ và đạo đức, về thực chất, là từ bỏ các nguyên tắc đạo đức, không thừa nhận sự phản ánh của các chuẩn mực đạo đức trong đời sống xã hội. Quan điểm đó dẫn tới hai khuynh hướng: *một là*, cản trở, kìm hãm sự hình thành các giá trị đạo đức mới; *hai là*, xóa nhòa ranh giới giữa những mục đích khác nhau của các phát minh khoa học – công nghệ.

Sự phát triển mạnh mẽ và tác động to lớn của khoa học – công nghệ đến mọi mặt của đời sống xã hội trong điều kiện chủ nghĩa tư bản đã dẫn đến những thái độ, quan điểm trái ngược nhau, mà tiêu biểu là thuyết phản kỹ thuật và thuyết kỹ trị.

Thuyết phản kỹ thuật coi khoa học, kỹ thuật và các hoạt động khoa học, kỹ thuật như là những tội ác do con người gây ra cho đồng loại. Theo thuyết này, tình trạng suy giảm đạo đức và những vấn đề xã hội bức xúc trong xã hội phương Tây hiện đại, như con người trở nên cô đơn, quan hệ gia đình truyền thống bị rạn nứt, nạn thất nghiệp, nghèo đói, bệnh tật, bạo lực... đều bắt nguồn trực tiếp từ chính sự phát triển của khoa học, kỹ thuật. Họ không thấy nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng đó nằm ở bản chất của chế độ tư bản chủ nghĩa. Bởi vậy, thuyết phản kỹ thuật chủ trương từ bỏ khoa học – công nghệ; và như vậy, nó đồng thời phủ nhận mặt tích cực trong sự tác động của khoa học – công nghệ đối với sự hình thành những giá trị đạo đức mới.

Trái với thuyết phản kỹ thuật, thuyết

kỹ trị lại cường điệu, thổi phồng đến mức tuyệt đối hóa vai trò của khoa học – công nghệ. Thuyết này cho rằng, toàn bộ sự phát triển của xã hội, trong đó có đạo đức, hoàn toàn phụ thuộc vào cơ chế của tiến bộ khoa học – công nghệ; đặc biệt, trong nền văn minh trí tuệ, quyền lực thuộc về các nhà khoa học – công nghệ. Với quan điểm đó, thuyết kỹ trị, *một mặt*, đã góp phần thúc đẩy quá trình nâng cao trình độ của con người; nhưng *mặt khác*, nó lại làm cho sự phát triển của con người trở nên méo mó, què quặt, biến họ thành những người máy thuần túy. Do vậy, việc xác lập vai trò của khoa học – công nghệ như một hình thức chủ quyền của ý chí con người, tất yếu dẫn đến sự xem thường, hạ thấp và làm nghèo những giá trị tinh thần, thậm chí làm suy thoái những giá trị đạo đức.

Ngày nay, những nghiên cứu triết học về khoa học – công nghệ đã cho thấy khoa học – công nghệ giữ một vị trí trọng yếu trong đời sống đạo đức: chính ở trong khoa học – công nghệ mà bản chất đạo đức duy lý của con người được thể hiện. Vì vậy, việc tách rời khoa học – công nghệ khỏi đạo đức hoặc đề cao, thổi phồng hay hạ thấp vai trò của khoa học – công nghệ đều gây thiệt hại cho cả khoa học – công nghệ lẫn đạo đức.

Trái với quan niệm của các nhà triết học và xã hội học tư sản, triết học mácxít khẳng định rằng, giữa khoa học – công nghệ và đạo đức có mối quan hệ gắn bó, không tách rời nhau, tác động qua lại lẫn nhau. Trong đó, những thành tựu của khoa học – công nghệ đóng vai trò là cơ sở, nền tảng của các nấc thang

giá trị đạo đức; ngược lại, những quan niệm đạo đức có vai trò định hướng cho sự phát triển của khoa học – công nghệ.

(i) Khoa học và đạo đức với tính cách là các hình thái ý thức xã hội

Theo nghĩa rộng, khoa học (xuất phát từ tiếng Latin, “scientia” có nghĩa là tri thức hay hiểu biết) là hệ thống các tri thức phản ánh một cách đúng đắn bản chất và các quy luật của hiện thực khách quan: quy luật tự nhiên, quy luật xã hội và quy luật tư duy. Theo nghĩa hẹp, khoa học là hệ thống các tri thức lí thuyết và thực nghiệm về giới tự nhiên, xã hội và con người, thu nhận được nhờ các phương pháp quan sát, thực nghiệm và giải thích các sự vật, hiện tượng của thế giới vật chất.

Khoa học có từ xa xưa trong lịch sử phát triển của nhân loại. Gốc rễ của khoa học nằm ở công nghệ chế tác các công cụ sản xuất ở thời kì cổ đại, khi đó lí thuyết khoa học là một bộ phận của triết học. Do vậy, không phải ngẫu nhiên, triết học thời kì cổ đại có khuynh hướng chung là nền triết học tự nhiên, có đối tượng nghiên cứu bao quát mọi lĩnh vực của thế giới.

Sự phát triển của xã hội hiện đại, *khoa học không tách rời công nghệ*, mà những thành tựu của chúng tạo thành cơ sở lí luận và thực tiễn cho cuộc cách mạng khoa học – công nghệ lần thứ hai vào nửa cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. Đó là một cuộc cách mạng mà chỉ trong chưa đầy một thế kỉ đã thúc đẩy xã hội loài người tạo ra một lực lượng sản xuất “nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thời đại trước kia gộp lại” [1, tr.603] như C. Mác và Ph.

Ăngghen đã nêu trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*.

Nội dung của khoa học – công nghệ mang tính khách quan, không phụ thuộc vào bản chất giai cấp hay thể chế chính trị – xã hội. Nhưng mục đích của việc áp dụng các thành tựu của khoa học – công nghệ là chủ quan, nó gắn liền với lợi ích, hệ tư tưởng của các giai cấp nhất định, gắn liền với bản sắc, truyền thống, phong tục tập quán của các cộng đồng người trong xã hội.

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội đặc thù, là một bộ phận quan trọng trong kiến trúc thượng tầng của xã hội. Về mặt lịch sử, đạo đức xuất hiện cùng với sự xuất hiện xã hội loài người, nó là những chuẩn mực để thông qua đó con người điều chỉnh các hành vi trong cuộc sống của mình. Đạo đức có lợi thế là phản ánh bằng ý nghĩa xã hội cụ thể, do vậy nó dễ đi vào lòng người.

“Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tổng hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực nhằm hướng dẫn con người tiến tới cái thiện, cái chân, cái mỹ... chống lại cái ác, cái giả, cái xấu... Trong mỗi thời đại lịch sử, phù hợp với sự tiến bộ của xã hội để con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình trong quan hệ giữa con người và con người, giữa con người và xã hội” [8, tr.13].

Đạo đức là sản phẩm của lịch sử xã hội, do cơ sở kinh tế – xã hội sinh ra và quyết định. Do vậy, lịch sử nhân loại cũng là lịch sử phát triển của đạo đức. Tương ứng với mỗi hình thái kinh tế – xã hội là một hình thái đạo đức nhất định. Mỗi hình thái đạo đức phản ánh và bảo

vệ lợi ích của những giai cấp nhất định trong xã hội, gắn liền với truyền thống, bản sắc của mỗi dân tộc. Không phải ngẫu nhiên, khi phê phán Đuyrinh về sự thừa nhận có một thứ đạo đức vĩnh cửu cho mọi thời đại, thừa nhận những nguyên tắc đạo đức đứng trên lịch sử và trên cả những sự khác biệt về tính cách dân tộc, Ph. Ăngghen đã khẳng định: “Xét cho đến cùng, mọi học thuyết về đạo đức đã có từ trước đến nay đều là sản phẩm của tình hình kinh tế của xã hội lúc bấy giờ” [2, tr.137], và do vậy “từ dân tộc này sang dân tộc khác, từ thời đại này sang thời đại khác, nhưng quan niệm về thiện và ác đã biến đổi nhiều đến mức chúng thường trái ngược hẳn nhau” [2, tr.137].

Chuẩn mực đạo đức là phương thức thực hiện, là cái cần phải có của đạo đức. Việc xác lập các chuẩn mực đạo đức của xã hội thông qua các phạm trù thiện – ác, lương tâm, danh dự, nghĩa vụ, trách nhiệm... Không phải ngẫu nhiên, để xây dựng nền tảng đạo đức trong chế độ xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh đã đưa ra chuẩn mực thiện – ác trong các quan hệ đạo đức. Người viết: “Thiện và ác là hai cái mâu thuẫn luôn luôn đấu tranh gay gắt với nhau. Cuộc đấu tranh ấy phải trường kì gian khổ, nhưng cuối cùng thì ác nhất định thất bại, thiện nhất định thắng” [6, tr.136]. Người nhấn mạnh: “Thực hành chí công vô tư, cần kiệm, liêm chính, thể là thiện. Nếu phạm phải quan liêu, mệnh lệnh, tham ô, lười biếng, thể là ác” [7, tr.226-227].

Sự thống nhất giữa khoa học – công nghệ và đạo đức:

Trong xã hội có giai cấp, đạo đức cũng như khoa học – công nghệ đều là sản phẩm của một cơ sở kinh tế – xã hội nhất định, đều là sự phản ánh tồn tại xã hội trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Do đó, giữa đạo đức và khoa học – công nghệ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, dưới những hình thức khác nhau và có chức năng chung là điều chỉnh các mối quan hệ xã hội nhằm phát triển xã hội. Nhiều khi, các quan hệ đạo đức ẩn giấu trong khoa học – công nghệ, ngược lại có những quan điểm khoa học – công nghệ phản ánh những giá trị đạo đức.

Sự thống nhất biện chứng giữa khoa học – công nghệ và đạo đức được thể hiện ở chỗ mục đích chân chính của khoa học – công nghệ và đạo đức là tạo ra mọi điều kiện để giúp con người cải biến tự nhiên, cải biến xã hội, cải biến bản thân mình, xây dựng cuộc sống hạnh phúc cho cá nhân và làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp. Chính vì thế, sự thống nhất giữa khoa học – công nghệ và đạo đức được thể hiện cụ thể thông qua hệ thống các giá trị xã hội.

Mặt khác, đạo đức cũng là một trong những quy luật xã hội về mối quan hệ giữa con người với con người, vì vậy bản thân đạo đức là những chân lí khoa học về cuộc sống của cái thiện và cái ác, cái chính và cái tà... Con người trong quá trình nhận thức những tri thức khoa học để hình thành thế giới quan thì cũng đồng thời hình thành nhân sinh quan. Đạo đức là một mặt của nhân sinh quan, biểu hiện cụ thể bằng thái độ, hành vi, cách ứng xử giữa con người với con người, con người với tự nhiên, với xã hội

và với bản thân mình. Vì vậy, thế giới quan và nhân sinh quan cũng là hai mặt khoa học và đạo đức (tài và đức) của một cá nhân. Tuy nhiên, không phải ở đâu, bất cứ ở một người nào, hai mặt đó cũng phát triển song hành. Từ xa xưa, đã có rất nhiều quan điểm khẳng định mối quan hệ gắn bó giữa khoa học và đạo đức “Khoa học mà không có lương tâm chỉ là sự phá hoại tâm hồn” (Ra-bơ-le). Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nếu khoa học mà không có đạo đức thì trở nên tàn bạo, nhưng có đạo đức mà không có khoa học thì cũng trở thành ngu muội” [6, tr.201].

Cách đánh giá của khoa học – công nghệ là chân lí hay sai lầm, còn cách đánh giá của đạo đức là cái thiện hay cái ác. Khoa học – công nghệ thường được thực hiện thông qua những con người cụ thể, còn đạo đức được bảo đảm do lương tâm con người, do sự phê phán của dư luận xã hội. Khoa học – công nghệ điều chỉnh một số mặt của đời sống xã hội, còn đạo đức xâm nhập vào tất cả các hoạt động xã hội, trong mọi quan hệ, kể cả đối với chính bản thân mỗi người.

Tương quan giữa khoa học – công nghệ và đạo đức là mối tương quan giữa cái chân và cái thiện. Cái này làm tiền đề cho cái kia và bổ sung cho nhau cùng phát triển. Đạo đức và khoa học – công nghệ phù hợp với nhau khi nội dung và ý nghĩa của chúng phù hợp với lợi ích xã hội. Khoa học – công nghệ đặt ra cho đạo đức một nhiệm vụ quan trọng là giáo dục và hoàn thiện nhân cách con người; còn đời sống đạo đức là nguồn chất liệu làm nền móng cho sáng tạo khoa học – công nghệ, định hướng cho sự phát triển của

khoa học – công nghệ.

(ii) Vai trò của khoa học - công nghệ đối với các nấc thang giá trị đạo đức

Giữa khoa học – công nghệ và đạo đức có mối quan hệ biện chứng, gắn bó với nhau, không thể tách rời nhau, vì khoa học – công nghệ luôn là cơ sở, nền tảng cho đời sống đạo đức thực sự của con người.

Tri thức khoa học – công nghệ giúp cho các chủ thể đạo đức nhận thức, lựa chọn, đánh giá đúng đắn các giá trị và điều chỉnh các hành vi sao cho hợp lí trong đời sống đạo đức. Ngược lại, đạo đức có vai trò thúc đẩy quá trình tìm tòi chân lí khoa học để phục vụ cho thực tiễn đời sống của xã hội. Mặc dù chân lí khoa học là khách quan, nhưng vấn đề quan trọng là: con người phát minh sử dụng chân lí đó theo động cơ nào? đem lại lợi ích cho ai? đem lại hòa bình, văn minh cho nhân loại hay sản xuất ra vũ khí giết người hàng loạt?...

Thực tế đã chứng minh sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại cùng với việc nó đang từng bước trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp không chỉ làm thay đổi căn bản nền sản xuất xã hội, mà còn làm thay đổi chính vị trí của con người trong quá trình sản xuất. Do đó, khoa học – công nghệ cũng tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của đạo đức, làm thay đổi thang giá trị, những nguyên tắc chi phối hoạt động của con người và xã hội.

Khoa học – công nghệ là kết quả của lao động tìm tòi, sáng tạo, khám phá các quy luật của thế giới khách quan và sự vận dụng các quy luật đó phục vụ đời

sống của con người, làm cho con người ngày càng có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Chính vì vậy, bản thân khoa học – công nghệ đã *chứa đựng những lí tưởng đạo đức* hết sức cao cả. Cũng nhờ vào những thành tựu vĩ đại mà khoa học – công nghệ mang lại để con người vận dụng những quy luật tự nhiên, quy luật xã hội chinh phục tự nhiên, cải tạo xã hội nhằm thực hiện những ước mơ, khát vọng, hoài bão, lí tưởng của mình. Như vậy, khoa học – công nghệ không chỉ chứa đựng những lí tưởng đạo đức, mà còn là *phương thức để con người chinh phục tự nhiên, cải tạo xã hội* nhằm phục vụ đời sống của con người.

So với ý thức đạo đức, ý thức khoa học thường mang tính vượt trước, tính biến đổi và tính cách mạng. Chính vì thế, khoa học – công nghệ không chỉ mang trong mình những lí tưởng, ước mơ đạo đức, mà còn *góp phần làm cho những lí tưởng, ước mơ đạo đức biến đổi ngày càng gần với cuộc sống*, đồng thời loại bỏ những nhân tố lạc hậu, bảo thủ trong đạo đức, làm cho cái thiện trong đạo đức ngày càng gắn liền với cái luân lí trong khoa học.

Con người sáng tạo ra khoa học – công nghệ, nhưng một khi đã trở thành thực thể độc lập thì bản thân nó vận động theo các quy luật nội tại. Điều này khiến cho con người, trong những chừng mực nhất định, không thể kiểm soát hết được mọi tác động, cũng như không thể dự báo hết được những hậu quả của tiến bộ khoa học – công nghệ đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực đạo đức.

Vai trò của khoa học – công nghệ đối với các nấc thang giá trị đạo đức mang tính lịch sử – cụ thể. Nghĩa là, sự tác động đó theo chiều hướng tích cực hay tiêu cực, tiến bộ hay lạc hậu tùy thuộc vào bản chất của chế độ, tính chất của thời đại; tùy thuộc vào lợi ích của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội; tùy thuộc vào bản sắc, truyền thống, phong tục tập quán của các dân tộc.

Một thực tế rõ ràng, dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản đã độc chiếm toàn bộ các thành tựu khoa học – công nghệ, biến chúng thành những công cụ bóc lột nhân dân lao động, phục vụ cho mục đích vì lợi nhuận tối đa của mình. Chủ nghĩa tư bản hiện đại đã dùng hệ thống công nghệ mới để làm tha hóa con người nhiều hơn và tiêu diệt con người nhanh hơn. Không phải ngẫu nhiên, ngay trong *Bản thảo kinh tế – triết học 1844*, C. Mác đã khắc họa: “Con người (công nhân) chỉ cảm thấy mình hành động tự do trong khi thực hiện những chức năng động vật của mình – ăn, uống, sinh con đẻ cái, nhiều lắm là trong chuyện ở, chuyện trang sức, v.v., – còn trong những chức năng con người của anh ta thì anh ta cảm thấy mình chỉ còn là con vật. Cái vốn có của súc vật trở thành chức phận của con người, còn cái có tính người thì biến thành cái vốn có của súc vật” [3, tr.133].

Đồng thời, C. Mác cũng chỉ ra rằng, trong chế độ tư bản chủ nghĩa, cùng với sự trỗi dậy của những thành tựu khoa học – công nghệ thì người ta cũng thấy lộ ra những dấu hiệu của một sự suy sụp về đạo đức, vượt rất xa những suy sụp đã được ghi vào lịch sử ở thời kì cuối của đế

quốc La Mã.

Trong chủ nghĩa xã hội, mục đích của khoa học – công nghệ và đạo đức thống nhất với nhau. Khoa học – công nghệ và đạo đức là điều kiện để con người cải biến xã hội, xây dựng cuộc sống hạnh phúc. Trong xã hội đó, những thành quả của khoa học – công nghệ được sử dụng như một phương thức giải phóng con người, nâng cao các giá trị nhân phẩm, đồng thời hạn chế những tác động bất lợi mang tính tự phát từ bản thân tiến bộ khoa học – công nghệ.

Như vậy, sự tác động của khoa học – công nghệ đối với đạo đức mang tính hai mặt. Dựa vào khoa học – công nghệ, *một mặt*, con người nhận thức, đánh giá và lựa chọn đúng đắn các giá trị đạo đức, từ đó điều chỉnh các hành vi của mình nhằm thúc đẩy xã hội phát triển; *mặt khác*, con người có thể sử dụng khoa học – công nghệ vì những lợi ích cá nhân, làm kìm hãm sự phát triển xã hội. Tính chất và mức độ của sự tác động đó như thế nào thì vừa phụ thuộc vào các yếu tố như chế độ chính trị, nền tảng kinh tế – xã hội, nhu cầu và lợi ích giai cấp, dân tộc... vừa phụ thuộc vào chính bản thân các thành tựu khoa học – công nghệ.

(iii) Vai trò định hướng của các quan niệm đạo đức đối với sự phát triển khoa học – công nghệ

Đạo đức là một định chế xã hội thực hiện các chức năng điều chỉnh hành vi con người. Chính vì thế, đạo đức đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng cho sự phát triển của khoa học – công nghệ, tạo thành một trong những động lực phát triển của khoa học – công nghệ.

Vai trò định hướng của các quan niệm đạo đức đối với sự phát triển của khoa học – công nghệ thể hiện ở những khía cạnh khác nhau, như mục tiêu, nội dung, phương pháp tiến hành hoạt động khoa học – công nghệ, cụ thể là:

- *Đối với mục tiêu của khoa học – công nghệ:*

Chân lí khoa học mang tính khách quan, tuy nhiên do động lực và mục tiêu nằm trong bản chất của nó, nên *chân lí khoa học bao giờ cũng gắn liền với cái thiện*. Xu hướng chung của sự phát triển khoa học – công nghệ hiện đại là hướng tới phục vụ con người ngày càng tốt hơn, hiệu quả hơn. *Phục vụ con người, vì con người vừa là mục tiêu, vừa là chuẩn mực đạo đức cao nhất của sự phát triển khoa học – công nghệ*.

Nhiều phát minh khoa học vĩ đại, nhiều sáng kiến mang ý nghĩa vượt thời đại đã được sinh ra từ chính những chuẩn mực và lí tưởng đạo đức, từ nhu cầu của cuộc sống, nhu cầu cải thiện đời sống của con người, nhu cầu bảo vệ con người trước thiên nhiên khắc nghiệt, trước bệnh dịch thế kỉ, trước những tai họa diễn ra trong đời sống xã hội. Nhiều nhà khoa học, nhà bác học, nhà tư tưởng, nhà phát minh sáng chế trong khoa học – công nghệ đã lao động không biết mệt mỏi, sẵn sàng cống hiến trọn đời mình, thậm chí hi sinh bản thân mình cho việc tìm tòi, nghiên cứu, khám phá chỉ với mục đích cao cả là mang lại cho nhân loại những thành tựu khoa học – công nghệ phục vụ đời sống của con người.

Chẳng hạn, G. Bru-nô với lí tưởng đạo đức cao cả bảo vệ chân lí của khoa

học – học thuyết “Nhật tâm” của N. Cô-pec-nich rằng, trái đất quay xung quanh mặt trời, chống lại chủ nghĩa kinh viện đã bị tòa án giáo hội Rô-ma kết án bằng hình thức thiêu sống. Hay như Men-đen phải sống trong cảnh mù lòa ở những năm tháng cuối đời vì quãng thời gian miệt mài nghiên cứu quy luật di truyền với lí tưởng đạo đức cống hiến trí tuệ của mình cho khoa học, nhưng không được người đương thời công nhận. Rồi Đác-uyn với tinh thần dũng cảm khoa học đã can đảm đưa ra học thuyết tiến hóa, làm cho các tín đồ Thiên chúa giáo phẫn nộ, gây nên “vụ kiện con khỉ” – được xem là “vụ án lớn nhất của thế kỉ XIX”...

Mục tiêu quan trọng của khoa học – công nghệ là nhằm mở rộng tri thức của con người về các lĩnh vực khác nhau và hoạt động khoa học – công nghệ là hoạt động sáng tạo nhất, mang tính xã hội sâu sắc. Do vậy, các chuẩn mực đạo đức khoa học – công nghệ phải được xem như là quy ước ứng xử và là mục tiêu xuyên suốt của khoa học – công nghệ.

- *Đối với nội dung của khoa học – công nghệ:*

Thành tựu phát triển khoa học – công nghệ mang lại những kết quả hữu ích, nhưng nó cũng có thể lại mang đến những hậu quả nguy hại, thậm chí có những trường hợp, mức độ nguy hại lại lớn hơn gấp nhiều lần so với cái lợi. Để khắc phục tình trạng đó, khoa học – công nghệ phải được phát triển sao cho phù hợp với sự phát triển của xã hội về đạo đức và không được phép tách khỏi những nhu cầu xã hội của các cộng đồng dân tộc. Chỉ có thể làm được điều đó khi có

sự định hướng giá trị của các quan niệm đạo đức. *Chuẩn mực đạo đức vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển khoa học – công nghệ.*

Chính vì thế, khoa học – công nghệ không được tách rời đạo đức. Khoa học – công nghệ phải phục vụ xã hội và là một bộ phận của xã hội. Nếu không được kiểm soát bởi những giá trị đạo đức căn bản, chúng có thể phá hủy sự ổn định xã hội và nền văn minh của chúng ta. Do vậy, *khoa học – công nghệ không những phải phục vụ các nhu cầu thực sự của xã hội, mà còn phải nhạy bén với những yêu cầu về luân lí, đạo đức của xã hội.*

Lịch sử đã cho thấy, những thành tựu khoa học – công nghệ tiêu biểu, bắt đầu với con người cả về không gian và thời gian là những tác phẩm chứa đựng các giá trị đạo đức cao cả về con người. Nó là biểu tượng kiệt xuất về lí tưởng, về lòng nhân ái, về số phận, về sức mạnh tinh thần cũng như phẩm chất của con người và xã hội loài người trong từng thời đại cụ thể. Chính nhân tố đạo đức vừa có giá trị định hướng, vừa là một động lực của sự phát triển khoa học – công nghệ.

Khoa học – công nghệ chân chính phải lấy đạo đức vừa làm điểm xuất phát, vừa làm mục tiêu, vừa làm động lực vì chính đạo đức là nguồn cảm hứng sáng tạo để khoa học – công nghệ phát triển.

- *Đối với phương pháp tiến hành hoạt động khoa học – công nghệ:*

Hoạt động nghiên cứu khoa học – công nghệ không thể có được thành tựu nào nếu chỉ thuần túy dựa vào lí thuyết và phương pháp thuần túy khoa học – công nghệ. Trong quá trình hoạt động,

các nhà khoa học – công nghệ đã thiết lập một hệ thống chuẩn mực đạo đức chặt chẽ gắn bó với tính duy lý khoa học. Đó là sự biểu hiện mẫu mực của nhân cách khoa học trong xã hội hiện đại. Có thể tóm lược chuẩn mực đạo đức khoa học – công nghệ bằng các nguyên tắc cơ bản: trung thực, khách quan, tự do, công khai, phê phán và trách nhiệm.

Chính những nguyên tắc ấy có ý nghĩa định hướng quan trọng, những chỉ dẫn rõ ràng đối với việc xác định phương pháp tiến hành hoạt động khoa học – công nghệ. Nhờ có tính trung thực mới phát huy được khả năng độc lập, tự giác của nhà khoa học – công nghệ, mới tránh được những gian lận trong nghiên cứu khoa học – công nghệ; nhờ có tính khách quan mới tránh được bệnh chủ quan duy ý chí; nhờ có tự do mới phát huy được năng lực sáng tạo của người nghiên cứu; nhờ có công khai mới phát huy được dân chủ và tinh thần hợp tác trong hoạt động khoa học – công nghệ; nhờ có tính phê phán mới tránh bảo thủ, trì trệ, rập khuôn, giáo điều; nhờ có tinh thần trách nhiệm mới có thể phát huy lòng say mê, tận tụy, làm việc quên mình vì lợi ích của cộng đồng.

Ở đây, môi trường xã hội có tác động lớn đến hành vi đạo đức cá nhân của những nhà khoa học – công nghệ, nhưng môi trường xã hội chỉ có thể quy

định những khả năng khác nhau của hành vi con người, còn việc cá nhân đó lựa chọn khả năng nào, hành vi nào là hoàn toàn phụ thuộc vào ý thức chủ quan, ý chí cá nhân, như C. Mác đã khẳng định rằng, chính những con người làm thay đổi hoàn cảnh và bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục.

3. Tóm lại, quan điểm triết học mácxít khẳng định giữa khoa học – công nghệ và đạo đức có mối quan hệ mật thiết, gắn bó, tác động qua lại lẫn nhau. Chính quan điểm ấy là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận chỉ đạo nhận thức và thực tiễn của con người. Hiểu đúng và vận dụng mối quan hệ này một cách phù hợp chính là cơ sở của việc hoạch định các chiến lược, sách lược trong quá trình phát triển khoa học – công nghệ và xây dựng một nền tảng đạo đức tốt đẹp. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ này ở nước ta nhằm: “Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị – xã hội ổn định, dân chủ, kỉ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau” [4, tr.103].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác, Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, 1995, Hà Nội.
2. C. Mác, Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, 1995, Hà Nội.
3. C. Mác, Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 42, Nxb Chính trị Quốc gia, 1995, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Nguyễn Đình Hòa (2009), “Khoa học và đạo đức”, *Tạp chí Triết học*, (4).
6. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, 1995, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia, 1995, Hà Nội.
8. Nguyễn Chí Mỹ (2004), *Sự biến đổi của thang giá trị đạo đức trong nền kinh tế thị trường với việc xây dựng đạo đức mới cho cán bộ quản lí ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-6-2013; ngày phản biện đánh giá: 29-6-2013;
ngày chấp nhận đăng: 01-7-2013)